

Bản án số: 08/2026/DSST
Ngày: 23/01/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trung và bà Phạm Thị Thùy Lê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-DS ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Quang Đ, sinh năm: 1963; bà Trần Thị Xuân P, sinh năm: 1967; Địa chỉ: A N, số A, khu phố F, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Phan Vinh T, sinh năm: 1972, bà Võ Thị P1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: thôn H, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Bà P1 có mặt. Ông T vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang Đ, bà Trần Thị Xuân P trình bày:

Trong năm 2022, vợ chồng bị đơn ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 xây dựng nhà nghỉ “Motel Phượng Hằng” tại thôn H, xã X, do thiếu tiền đã lần lượt vay mượn số tiền mặt của nguyên đơn. Hai bên đã thỏa thuận thống nhất và thực hiện việc trả tiền lãi hàng tháng theo lãi suất 1,5%/tháng. Khi vay lần đầu tiên không viết giấy nợ, quá trình vay mượn bị đơn có trả được một số tiền thì trừ vào tiền nợ, đối với những tháng không trả được tiền lãi thì bị đơn tự nguyện cộng dồn vào tiền gốc. Đến ngày 18/8/2023, bị đơn viết giấy mượn số tiền 1.120.000.000đ (Một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó đã trả được 40.000.000đ, còn nợ lại 1.080.000.000đ (một tỷ, tám mươi triệu đồng). Đến ngày 03/09/2023, bị đơn đã trả thêm 60.000.000đ, còn nợ lại 1.020.000.000đ (một tỷ, hai mươi triệu đồng). Đến ngày 30/10/2023, bị đơn viết giấy mượn số tiền

1.020.000.000đ (một tỷ, hai mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ tháng 12/2023 âm lịch, nhưng chưa trả. Đến ngày 21/08/2024, bị đơn có ghi tiếp trong giấy số tiền nợ tính đến ngày 01/08/2024 là 1.140.000.000đ (một tỷ, một trăm bốn mươi triệu đồng). Đến ngày 01/09/2024, bị đơn có ghi tiếp trong giấy số tiền nợ 1.140.000.000đ + 15.400.000đ (tiền lãi tháng 8 của năm 2024) = 1.155.400.000đ (một tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 28 tháng 12 năm 2024 (âm lịch) tức là tháng 01 năm 2025 (Dương lịch), bị đơn có ghi tiếp trong giấy số tiền nợ 1.155.400.000đ + 77.000.000đ tiền lãi 05 tháng (9+10+11+12 và tháng 1 của năm 2025) = 1.232.400.000đ (một tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) và cộng thêm 05 tháng tiền lãi (2+3+4+5+6 của năm 2025) là: 77.000.000đ cộng với 1.232.400.000đ là 1.309.400.000đ (một tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, bốn trăm nghìn đồng), bị đơn vẫn hẹn không trả.

Ngày 20/09/2025 bị đơn tiếp tục viết giấy nợ tiền và thống nhất với nguyên đơn: chốt số tiền lãi từ 30/7/2025 đến 30/09/2025 là 58.800.000đ cộng với số tiền 1.309.400.000đ = 1.368.200.000đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng). Từ khi chốt nợ và viết giấy nợ đến nay vợ chồng ông Đ, bà P nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà P1 trả nợ nhưng ông T, bà P1 vẫn không chịu trả số tiền nợ đã mượn. Nay vợ chồng ông Đ, bà P yêu cầu bị đơn phải trả dứt điểm số tiền 1.368.200.000đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng/số tiền 1.368.200.000đ từ ngày 01/11/2025 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị P1 trình bày:* Bà P1 thừa nhận có vay của vợ chồng ông Đ, bà P nhưng số tiền không đến 01 tỷ đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng/số tiền nợ như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, do một số tháng bị đơn không trả tiền lãi được nên gốc, lãi cộng lại đến 30/09/2025 là 1.368.200.000đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng). Mục đích vay tiền để làm ăn nhưng thua lỗ nên chưa có tiền để trả nợ. Làm ăn này là làm ăn chung của vợ chồng bị đơn. Quá trình vay mượn, tháng nào trả tiền thì bà P1 hoặc chồng ghi vào sổ của bà P, ông Đ và trừ vào số tiền nợ, tháng nào không trả tiền lãi thì vợ chồng bà P1 tự nguyện cộng vào tiền gốc. Bà P1 không có ý kiến gì về vấn đề này. Bà Võ Thị P1 đã được xem các giấy mượn tiền, giấy nợ tiền, không có ý kiến gì về các giấy nợ tiền này, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết các giấy mượn tiền, giấy nợ này và thừa nhận đến ngày 30/9/2025 còn nợ số tiền 1.368.200.000đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng). Nay vợ chồng ông Đ, bà P yêu cầu bà P1 và ông T trả nợ gốc và lãi nói trên thì vợ chồng bà P1 đồng ý trả, không chối nợ nhưng không có khả năng trả một lần vì lý do làm ăn thua lỗ, nợ nhiều người nên xin trả dần 4 tháng trả 50 triệu đồng, đến khi trả hết nợ.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Vinh T trình bày:* khoản vay mà vợ chồng ông Đ, bà P khởi kiện là khoản vay do vợ vay mượn để làm ăn, nhưng do đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên ông T thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng, thống nhất như ý kiến trình bày của bà P1.

- Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn ông Phan Vinh T có đơn xin vắng mặt; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn Phan Vinh T. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang Đ, và Trần Thị Xuân P số tiền 1.368.200.000đ (một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng/số tiền 1.368.200.000đ từ ngày 01/11/2025 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo giấy mượn tiền, yêu cầu trả lãi, xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú và sinh sống tại xã X, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Bị đơn ông Phan Vinh T có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phan Vinh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 phải trả số tiền 1.368.200.000đ còn nợ căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 18/8/2023; giấy mượn tiền ngày 30/10/2023; các lần chốt nợ ngày 21/8/2024, 01/9/2024, 28/01/2025, 30/6/2025 và căn cứ giấy nợ tiền lập ngày 20/9/2025 do vợ chồng ông T, bà P1 viết và ký tên; nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T, P1 trả nợ một lần. Bị đơn vợ chồng ông T, bà P1 thừa nhận có vay tiền và còn nợ của vợ chồng ông Đ, bà P số tiền 1.368.200.000đ. Tuy nhiên, xin trả dần 4 tháng trả 50 triệu đồng, từ tháng 01/2025 đến khi trả hết nợ, không có khả năng trả một lần.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn, giấy nợ tiền lập ngày 20/9/2025 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ căn cứ xác định từ trước năm 2023 đến năm 2025, vợ chồng ông Trần Quang Đ, bà Trần Thị Xuân P đã nhiều lần cho vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 vay tiền, đến ngày 18/8/2023 bà P1 viết giấy nợ và được chồng là ông T ký xác nhận số tiền nợ 1.120.000.000đ. Quá trình vay mượn vợ chồng ông T, bà P1 đã trả 100.000.000đ nên ngày 30/10/2023 hai bên chốt nợ và vợ chồng bị đơn viết giấy mượn tiền ngày 30/10/2023 xác nhận còn nợ nguyên đơn 1.020.000.000đ, thời hạn trả nợ vào tháng 12/2023. Tuy nhiên, vợ chồng bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên sau đó các bên thống nhất số tiền lãi chưa trả cộng dồn vào tiền gốc. Việc thỏa thuận

cộng dồn tiền lãi chưa trả vào tiền gốc đều được ông T hoặc bà P1 tự ghi, ký vào giấy mượn tiền. Bị đơn vợ chồng ông T, bà P1 cũng thừa nhận đối với những tháng không trả được tiền thì tiền lãi bị đơn tự tính, ghi cộng dồn vào tiền gốc và hai bên tự nguyện chốt số tiền nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn đến ngày 30/9/2025 theo giấy nợ tiền ngày 20/9/2025 là 1.368.200.000đ. Do đó HĐXX xác định đây là ý chí của các bên, tự nguyện cộng dồn lãi còn nợ vào tiền gốc.

Việc vay nợ, chốt nợ được hai bên thừa nhận, có giấy nợ tiền do bị đơn vợ chồng ông T, bà P1 viết và ký. HĐXX thấy Hợp đồng vay tài sản (giấy nợ tiền) giữa vợ chồng ông Đ, bà P và vợ chồng ông T, bà P1 được xác lập bởi các chủ thể có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên tham gia giao kết đều tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, đe dọa hay ép buộc, mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, bên cho vay đã thực hiện xong nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay. Căn cứ Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật dân sự, hợp đồng này hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Xét giấy nợ ngày 30/10/2023 có thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 12/2023, quá thời hạn trên bị đơn không trả nợ. Đến ngày 20/9/2025, các bên chốt lại số tiền nợ nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ đúng cam kết là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên căn cứ khoản 1 Điều 469, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào và phải trả đủ số tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS. Do đó căn cứ Điều 463, 466 BLDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc là có cơ sở để chấp nhận.

Xét lời trình bày của bị đơn về việc đề nghị HĐXX xem xét cho bị đơn trả nợ dần, 4 tháng trả 50 triệu đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không có căn cứ, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần, nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của bị đơn, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T, bà P1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đ, bà P số tiền còn nợ là 1.368.200.000đ.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng/số tiền vay và thực tế trả lãi đúng theo mức lãi suất này từ khi xác lập hợp đồng vay. Mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, do đó được chấp nhận. Giấy nợ sau cùng vào ngày 20/9/2025, nguyên đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền 1.368.200.000đ từ ngày 01/11/2025 đến khi trả hết nợ là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 469 BLDS nên được chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 01/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/01/2026) là 02 tháng và 23 ngày, do đó số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $1.368.200.000đ \times 1,5\%/tháng \times (02 \text{ tháng và } 23 \text{ ngày}) = (41.046.000đ + 15.734.300đ) = 56.780.300đ$.

Như vậy, bị đơn ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 1.368.200.000đ và tiền lãi là 56.780.300đ, tổng cộng là: 1.424.980.300đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 36.000.000đ + (3% x 624.980.300đ) = 54.749.409đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang Đ, bà Trần Thị Xuân P đối với bị đơn vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1: Buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang Đ, bà Trần Thị Xuân P số tiền gốc đã vay là 1.368.200.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/01/2026 là 56.780.300đ, tổng cộng là: 1.424.980.300đ (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi nghìn, ba trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức các bên đã thỏa thuận (1,5%/tháng) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Phan Vinh T, bà Võ Thị P1 phải chịu 54.749.409đ (*Năm mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Trần Quang Đ, bà Trần Thị Xuân P số tiền 26.523.000đ (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 00004004 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14-Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14-Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền